

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

MÔN HÓA HỌC

(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên, áp dụng từ năm học 2009-2010)

A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PPCT CẤP THCS

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2009-2010, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT (*một số phần có sự điều chỉnh so với năm học 2008-2009*).

1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước.

Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên (GV) và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường

tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải đủ thời lượng quy định).

Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

Cách 1: Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục : Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghệ phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

Cách 2: Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn kiến thức, kỹ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả GV và HS) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kỹ năng (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kỹ năng cho HS.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kỳ trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và GV chủ nhiệm lớp. GV chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại HS trung học cơ sở và HS trung học phổ thông*.

Lưu ý: Các bài dạy CĐTCNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công GV thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với GV được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và GV chủ nhiệm lớp, không tính vào giờ dạy tiêu chuẩn.

b) Tích hợp HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 *chủ điểm* sau đây:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn HS lựa chọn con đường học lên sau THCS (THPT, TCCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho GV hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

4. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình (căn cứ chuẩn của chương trình cấp THCS và đối chiếu với hướng dẫn thực hiện của Bộ GDĐT);

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của HS và vai trò chủ đạo của GV;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của GV và HS, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Sử dụng hợp lý SGK khi giảng bài trên lớp, tránh tình trạng yêu cầu HS ghi chép quá nhiều theo lối đọc - chép;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ GV sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên HS học tập, tổ chức hợp lý cho HS làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng HS khá giỏi và giúp đỡ HS học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mỹ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành họa sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng GV và dự giờ thăm lớp của GV, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi GV giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ GV đánh giá sát đúng trình độ HS với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn HS biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của HS, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại HS THCS, HS THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại HS THCS, HS THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần

đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi HS phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2009-2010, tập trung chỉ đạo đổi mới KTĐG thúc đẩy đổi mới PPDH các môn học và hoạt động giáo dục, khắc phục tình trạng dạy học theo lối đọc-chép.

5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương (như hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008)

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN HÓA HỌC

1. Về thực hiện nội dung dạy học

- Soạn giáo án đầy đủ, chi tiết, nhưng bài lên lớp không nhất thiết phải tiến hành toàn bộ các phần của SGK. Để đổi mới phương pháp dạy học, giáo viên tập trung vào phần trọng tâm của bài và chú ý hướng dẫn học sinh tự học theo SGK.

- Đơn vị khối lượng nguyên tử ngoài đvC như SGK đã ghi, có thể giới thiệu thêm đơn vị u (đvC còn được gọi là u).

- Hình thức bài soạn không quy định cứng nhắc (tùy theo khả năng của giáo viên và trình độ của học sinh). Nội dung bài soạn phải nêu rõ các bước tiến hành của giáo viên và các hoạt động của học sinh. Kiến thức trong bài soạn và khi lên lớp phải bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình và SGK.

- Khi tiến hành bài lên lớp theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, nhất thiết phải dựa vào các hoạt động, hệ thống câu hỏi (đặc biệt, cần có các hoạt động dẫn dắt vào bài, chuyển phân sao cho tạo được hứng thú học tập cho học sinh), tránh chép nội dung của SGK lên bảng.

- Môn Hoá học là môn khoa học thực nghiệm, các bài lên lớp luôn gắn liền với các thí nghiệm (dùng các thí nghiệm hoá học để dẫn dắt vấn đề, tạo niềm tin khoa học cho học sinh) và luôn liên hệ với các sự vật, hiện tượng thực tế xảy ra xung quanh ta.

- Tận dụng tối đa các thiết bị thí nghiệm và các phương tiện hỗ trợ, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin trong bài lên lớp (máy vi tính, phần mềm, dữ liệu mô phỏng, thí nghiệm ảo, tranh, ảnh, sơ đồ trực quan...).

2. Về thực hành, thí nghiệm

- Cần khắc phục khó khăn để tiến hành đầy đủ các thí nghiệm trong các bài học.

- Phải đảm bảo dạy đủ số tiết thực hành của từng chương và của cả năm học, tùy điều kiện cơ sở vật chất mà Hiệu trưởng cho phép giáo viên tiến hành lựa theo lịch sắp xếp, miễn là đảm bảo đủ số tiết và nội dung.

- Nên tận dụng tối đa Phòng học bộ môn hóa học và tiến hành các thí nghiệm thực hành theo phương hướng đổi mới phương pháp học thực hành.

3. Về kiểm tra đánh giá

- Phải đảm bảo thực hiện đúng, đủ các tiết kiểm tra định kỳ, kiểm tra thực hành như trong khung phân phối chương trình. Điểm kiểm tra thực hành (điểm hệ số 1), giáo viên căn cứ vào tường trình thí nghiệm một bài thực hành (được thống nhất trước trong toàn tỉnh) theo hướng dẫn, rồi thu và chấm lấy điểm thực hành.

- Bài kiểm tra 45 phút nên thực hiện ở cả hai hình thức: trắc nghiệm khách quan và tự luận (tỉ lệ nội dung kiến thức và điểm phần trắc nghiệm khách quan tối đa là 50%). Bài kiểm tra cuối học kì nên tiến hành dưới hình thức 100% tự luận.

B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

líp 8

C¶ năm: 37 tuÇn (70 tiÕt)
 Hăc k× I: 19 tuÇn (36 tiÕt)
 Hăc k× II: 18 tuÇn (34 tiÕt)

Néi dung	Sè tiÕt				
	LÝ thuyÕt	LuyÖn tĒp	Thùc hnh	¶n tĒp	KiÓm tra
Mê ©Çu	1				
Ch--ng 1. ChĒt. Nguy ^a n tồ. Ph©n tồ	10	2	2		
Ch--ng 2. Ph¶n ụng ho, hăc	6	1	1		
Ch--ng 3. Mol vµ tÝnh to, n ho, hăc	8	1			
Ch--ng 4. Oxi. Kh«ng khÝ	7	1	1		
Ch--ng 5. Hi©ro. N-íc	8	2	2		
Ch--ng 6. Dung dĒch	6	1	1		
¶n tĒp hăc k× I vµ cuèi năm				3	
KiÓm tra					6
Tæng sè: 70 tiÕt	46	8	7	3	6

Tiết 1: Mở đầu

Chương I: Chất. Nguyên tử. Phân tử

Từ tiết 2 đến tiết 16: Chất,

Nguyên tử, Nguyên tố hóa học,
Đơn chất, Hợp chất,
Phân tử, Công thức hóa học, Hóa trị;
Các bài thực hành 1, 2;
Các bài luyện tập 1, 2.
Kiểm tra 1 tiết

Chương II: Phản ứng hoá học

Từ tiết 17 đến tiết 25:

Sự biến đổi chất,
Phản ứng hóa học,
Định luật bảo toàn khối lượng,
Phương trình hóa học;
Bài thực hành 3;
Bài luyện tập 3.
Kiểm tra 1 tiết

Chương III: Mol và tính toán hoá học

Từ tiết 26 đến tiết 34: Mol,

Sự chuyển đổi giữa khối lượng, thể tích và mol,
Tỉ khối của chất khí,
Tính theo công thức hóa học,
Tính theo phương trình hóa học;
Bài luyện tập 4.

Tiết 35: Ôn tập học kì I

Tiết 36: Kiểm tra học kì I (hết tuần 19)

Chương IV: Oxi. Không khí

Từ tiết 37 đến tiết 46: Tính chất của oxi,
Sự oxi hóa, Phản ứng hóa hợp,
Ứng dụng của oxi,
Oxit, điều chế oxi,
Phản ứng phân hủy,
Không khí, sự cháy;
Bài thực hành 4;
Bài luyện tập 5.
Kiểm tra 1 tiết

Chương V: Hidro. Nước

Từ tiết 47 đến tiết 59: Tính chất, ứng dụng của hidro,
Phản ứng oxi hóa – khử,
Điều chế hidro, Phản ứng thế,
Nước,
Axit, bazơ, muối;
Các bài thực hành 5, 6;
Các bài luyện tập 6, 7.
Kiểm tra 1 tiết

Chương VI: Dung dịch

Từ tiết 60 đến tiết 70: Dung dịch,
Độ tan của một chất trong nước,
Nồng độ dung dịch,
Pha chế dung dịch;
Bài thực hành 7;
Bài luyện tập 8.
Ôn tập học kì II
Kiểm tra cuối năm

LỚP 9

Cả năm: 37 tuần (70 tiết)

Học kì I: 19 tuần (36 tiết)

Học kì II: 18 tuần (34 tiết)

Nội dung	Số tiết
-----------------	----------------

	Lí thuyết	Luyện tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Chương 1. Các loại hợp chất vô cơ	13	2	2		
Chương 2. Kim loại	7	1	1		
Chương 3. Phi kim. Sơ lược bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học	9	1	1		
Chương 4. Hidrocacbon. Nhiên liệu	8	1	1		
Chương 5. Dẫn xuất của hidrocacbon.	10	1	2		
Ôn tập đầu năm, học kì I và cuối năm				4	
Kiểm tra					6
Tổng số : 70 tiết	47	6	7	4	6

Tiết 1: Ôn tập đầu năm

Chương I: Các loại hợp chất vô cơ

Từ tiết 2 đến tiết 20: Tính chất hoá học của oxit.

Khái quát về sự phân loại oxit.

Một số oxit quan trọng.

Tính chất hoá học của axit. Một số axit quan trọng.

Tính chất hoá học của bazơ. Một số bazơ quan trọng.

Tính chất hoá học của muối. Một số muối quan trọng.

Mối quan hệ giữa các hợp chất vô cơ.

Phân bón hoá học.

Luyện tập: Tính chất hoá học của oxit và axit.

Luyện tập : Tính chất hoá học của bazơ và muối.

Thực hành Tính chất hoá học của oxit và axit.

Thực hành Tính chất hoá học của bazơ và muối

Kiểm tra 1 tiết về oxit và axit.

Kiểm tra 1 tiết về bazơ và muối.

Chương II: Kim loại

Từ tiết 21 đến tiết 29: Tính chất vật lí chung của kim loại.

Tính chất hoá học của kim loại
Dãy hoạt động hoá học của kim loại

Nhôm

Sắt

Hợp kim sắt: Gang, thép

Ăn mòn kim loại và bảo vệ kim loại không bị ăn mòn

Luyện tập chương 2

Thực hành: Tính chất hoá học của nhôm và sắt

Chương III: Phi kim.

Sơ lược bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học

Từ tiết 30 đến tiết 42: Tính chất chung của phi kim.

Clo

Cacbon

Các oxit của cacbon

Axit cacbonic và muối cacbonat

Silic. Công nghiệp silicat

Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học

Luyện tập chương 3

Thực hành: Tính chất hoá học của phi kim và hợp chất của chúng.

Tiết 35: Ôn tập học kì I (bài 24)

Tiết 36: Kiểm tra học kì I (hết tuần 19)

Chương IV: Hidrocacbon. Nhiên liệu

Từ tiết 43 đến tiết 53: Khái niệm về hợp chất hữu cơ và hoá học hữu cơ.

Cấu tạo phân tử hợp chất hữu cơ

Metan

Etilen

Axetilen

Benzen

Dầu mỏ và khí thiên nhiên

Nhiên liệu

Luyện tập chương 4

Thực hành: Tính chất hoá học của hidrocacbon

Kiểm tra 1 tiết

Chương V: Dẫn xuất của hidrocacbon. Polime

Từ tiết 54 đến tiết 70: Rượu etilic

Axit axetic

Mối liên hệ giữa etilen, rượu etilic và axit axetic.

Chất béo

Glucosơ

Saccarozơ

Tinh bột và xenlulozơ

Protein

Polime

Luyện tập: Rượu etilic, axit axetic và chất béo

Thực hành: Tính chất của rượu và axit

Thực hành: Tính chất của gluxit

Kiểm tra 1 tiết

Ôn tập học kì II.

Kiểm tra học kì II.
